

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DQI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DQI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DQI INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108755694

3. Ngày thành lập: 24/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Chợ Mới, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Tư vấn, môi giới quyền sử dụng đất.	6820
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Sản xuất giấy vệ sinh; giấy ăn, khăn lau, tã giấy cho trẻ sơ sinh;	1709
4.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;	2599
5.	Tái chế phế liệu	3830
6.	Phá dỡ	4311
7.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
12.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
13.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
14.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

16.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
17.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn tổng hợp	4690
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
23.	Bán buôn thực phẩm	4632
24.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
25.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
26.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
27.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
28.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
29.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
30.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm); - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa (trừ loại Nhà nước cấm); - Bán buôn cao su; - Bán buôn muối công nghiệp	4669
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
36.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
39.	Khai thác muối	0893
40.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
41.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
50.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
51.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
52.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
53.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
54.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
55.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
56.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
57.	Quảng cáo	7310
58.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
59.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
60.	Đại lý du lịch	7911
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Hoạt động trang trí nội thất; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;	7410
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh;	8299
64.	Sản xuất rượu vang	1102
65.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
66.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
67.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
68.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
69.	Sản xuất sợi	1311
70.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
71.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
72.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
73.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	7110
74.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
75.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
76.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

77.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
80.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
81.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Bốc xếp hàng hóa	5224
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Giao nhận hàng hóa;	5229
85.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
86.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
95.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
96.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
97.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
98.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
99.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
100.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
101.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
102.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
103.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ thiết kế;	4659
104.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
105.	Xây dựng công trình thủy	4291
106.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
107.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
108.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
109.	Khai thác gỗ	0220
110.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

111.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
112.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
113.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
114.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
116.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
117.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
118.	Trồng cây cao su	0125
119.	Trồng cây chè	0127
120.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
121.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
122.	Cho thuê xe có động cơ	7710

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN DUY DŨNG	P5-C4, Tập thể Đại học Văn Hóa,, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	0,333	0420810000 48	
			Tổng số	10.000	100.000.000	0,333		

2	TẠ THỊ DINH	Căn hộ B2307, KNOCC Viglacera TL N01, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	490.000	4.900.000.000	16,333	037187002294	
			Tổng số	490.000	4.900.000.000	16,333		
3	DƯƠNG THỊ LIÊN HƯƠNG	Số 408 nhà 14B tập thể Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	83,333	011621926	
			Tổng số	2.500.000	25.000.000.000	83,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN DUY DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 042081000048

Ngày cấp: 05/02/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P5-C4, Tập thể Đại học Văn Hóa,, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 11 ngõ 61/20/8 phố Bằng Liệt, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội